

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/DS-ST
Ngày 30 – 01 – 2026
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Trường
- Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 608/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1981; Căn cước công dân số 096181007533, cấp ngày 10/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N và bà Quách Kim A, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Ngô Thị Đ (nguyên đơn) trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, bà có tham gia các dây hội do vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Quách Kim A làm chủ, cụ thể:

Ngày 30/7/2022 âm lịch (viết tắt AL), vợ chồng bà A mở dây hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần vào ngày 30 hàng tháng, dây hội có 38 chân, bà tham gia chơi hai chân. Quá trình chơi hội, bà đóng hội sống đến kỳ thứ 14 thì vợ chồng bà A tuyên bố đình hội, tổng số tiền hội bà đã đóng là 56.000.000 đồng (28.000.000 đồng/chân) nhưng từ khi đình hội cho đến nay, vợ chồng bà A chỉ trả được cho bà 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 52.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Ngày 25/02/2023 (AL), vợ chồng bà A mở dây hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần vào ngày 25 hàng tháng, dây hội có 32 chân, bà tham gia chơi hai chân. Quá trình chơi hội, bà đóng hội sống đến kỳ thứ 07 thì vợ chồng bà A tuyên bố đình hội, tổng số tiền hội bà đã đóng là 28.000.000 đồng (14.000.000

đồng/chân) nhưng từ khi đình hui cho đến nay, vợ chồng bà A chưa trả lại số tiền hui đã đóng cho bà.

Tổng số tiền vợ chồng bà A nợ trong hai dây hui trên là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), nên bà Đ yêu cầu bà A và ông N cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hui trên cho bà. Ngoài ra, bà Đ không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông Nguyễn Văn N, bà Quách Kim A (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Tòa, không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Đ (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp về hui. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hui, bị đơn đã tuyên bố đình hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền hui đã góp cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở các dây hui vào ngày 30/7/2022 (AL), ngày 25/02/2023 (AL) giữa các đương sự, tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hui viên. Trong danh sách hui viên có thể hiện cụ thể nội dung thỏa thuận về hui gồm: Thời gian mở hui, thời gian khai hui, loại hui, số hui viên tham gia, số chân hui nguyên đơn tham gia trong các dây hui và chủ hui đứng tên của bị đơn. Lẽ ra, các dây hui nêu trên do đình hui phải tính số tiền thực tế của các kỳ hui sống mà nguyên đơn đã góp để điều chỉnh lại nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn khai nhận không lập sổ sách theo dõi số tiền hui đã góp hàng tháng mà tại mỗi kỳ khai hui, bị đơn đến gom hui và thông báo số tiền hui phải góp thì nguyên đơn góp, bị đơn cũng không giao giấy tờ nhận tiền góp hui cho nguyên đơn trong khi bị đơn không có ý kiến về vấn đề trên. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để xác định số tiền bỏ thăm ở từng kỳ khai hui, số tiền hui sống ở mỗi kỳ hui mà nguyên đơn đã góp nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh. Đối với bị đơn tuy đã được triệu tập hợp lệ song vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc giao dịch hui, ngày ngưng góp hui cũng như số tiền hui bị đơn còn nợ nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình bởi theo quy định của pháp luật nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của bị đơn nên lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn về việc kiện đòi bị đơn trả số tiền hui còn nợ 80.000.000 đồng là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.
Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Quách Kim A cùng có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông N cùng bà A không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Văn N và bà Quách Kim A phải nộp số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng – chưa nộp).

Bà Ngô Thị Đ không phải nộp. Ngày 28/11/2025, bà Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0005543 được trả lại toàn bộ cho bà Đ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân